

Số: 952/TB-QLTTHD

Hải Dương, ngày 04 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO
LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-BCT ngày 28/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phân cấp quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương án vi phạm hành chính bị tịch thu theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc lực lượng Quản lý thị trường; Quyết định số 1382/QĐ-BCT ngày 22/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 179/QĐ-BCT ngày 28/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số: 951/QĐ-QLTTHD ngày 04/12/2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Hải Dương thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản: Cục Quản lý thị trường tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Số 12B Bắc Sơn, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Tên tài sản đấu giá và giá khởi điểm:

01 Lô tài sản gồm 01 danh mục (Bảng kê chi tiết lô hàng hóa kèm theo).

Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá: 15.680.000 đồng (Mười lăm triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

Tổ chức đăng ký tham gia đấu giá phải đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016 và được hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản tại Điều 3 Thông tư số: 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp (chi tiết tại phụ lục I- Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản).

- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá tài sản.
- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
- Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín.
- Có chi phí thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá phù hợp.
- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
- Các tiêu chí khác.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:

Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá: Thời gian nộp hồ sơ từ ngày 05/12/2024 đến hết ngày 12/12/2024 tại Phòng Tổ chức-Hành chính, Cục Quản lý thị trường tỉnh Hải Dương. Địa chỉ: Số 12B Bắc Sơn, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hình thức nộp: Nộp trực tiếp.

Lưu ý: Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước còn hạn sử dụng (Chú ý: *Không hoàn trả hồ sơ, không thông báo kết quả lựa chọn đối với các đơn vị không được lựa chọn*).

Cục Quản lý thị trường tỉnh Hải Dương chỉ thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá được lựa chọn, những tổ chức đấu giá không được thông báo được hiểu là không được lựa chọn. Cục Quản lý thị trường tỉnh Hải Dương không hoàn trả hồ sơ đối với những tổ chức đấu giá không được lựa chọn./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Cổng thông tin điện tử Cục QLTT tỉnh Hải Dương;
- Lưu VT, HSVV.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Bùi Trọng Thuân

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG CHỨC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
CHẤM DẤU VÀ CHỮ KÝ

(Kèm theo Thông báo lựa chọn số: 952/TB-QLTTHD ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Cục QLTT tỉnh Hải Dương)

| TT | Phương án | Cơ quan ban hành | Số QĐ xử phạt | | Hành vi vi phạm | Tài sản | Chủng loại, nhãn hiệu | Nguồn gốc xuất xứ | Chất lượng hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền (đồng) | Cơ sở để xuất | Đề xuất phương án |
|------------------|----------------------|------------------|------------------|-----------------|------------------------------|---------|-----------------------|-------------------|---------------------|-------------|----------|---------|-------------------|-----------------------------|-------------------|
| | | | Số QĐ | Ngày, tháng năm | | | | | | | | | | | |
| 1 | 149/PAX LTS-Đội 1 | Đội QLTT số 1 | 23010157/QĐ-XPHC | 12/11/24 | Kinh doanh hàng hóa nhập lậu | Đép | Đép trẻ em bằng nhựa | Trung Quốc | Chưa qua sử dụng | Đôi | 392 | 40,000 | 15.680.000 | Hàng hóa có giá trị sử dụng | Bán đấu giá |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | 15.680.000 | | |

Bằng chữ: Mười lăm triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn



PHỤ LỤC I
BẢNG TIÊU CHÍ ĐANH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông báo số: 952/TB-QLTTHD ngày 04 tháng 12 năm 2024
của Cục Quản lý thị trường tỉnh Hải Dương)

| TT | NỘI DUNG | MỨC TỐI ĐA |
|----------|---|--------------------|
| A | Tiêu chí bắt buộc | |
| 1 | Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Đủ điều kiện |
| 2 | Không có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện |
| B | Tiêu chí chấm điểm | |
| I | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 23,0 |
| 1 | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 11,0 |
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...) | 6,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện | 5,0 |
| 2 | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 8,0 |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá | 4,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá | 4,0 |
| 3 | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động | 2,0 |
| 4 | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến | 1,0 |
| 5 | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá | 1,0 |

| | | |
|------------|--|-------------|
| II | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (<i>Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án</i>) | 22,0 |
| 1 | <i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</i> | 4,0 |
| 2 | <i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i> | 4,0 |
| 3 | <i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã</i> | 4,0 |
| 4 | <i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i> | 4,0 |
| 5 | <i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i> | 3,0 |
| 6 | <i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i> | 3,0 |
| III | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản | 45,0 |
| 1 | <i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i> | 6,0 |
| 1.1 | <i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i> | 2,0 |
| 1.2 | <i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i> | 3,0 |
| 1.3 | <i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i> | 4,0 |
| 1.4 | <i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i> | 5,0 |

| | | |
|-----|--|------|
| 1.5 | Từ 30 hợp đồng trở lên | 6,0 |
| 2 | <p>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</p> | 18,0 |
| 2.1 | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch) | 10,0 |
| 2.2 | Từ 20% đến dưới 40% | 12,0 |
| 2.3 | Từ 40% đến dưới 70% | 14,0 |
| 2.4 | Từ 70% đến dưới 100% | 16,0 |
| 2.5 | Từ 100% trở lên | 18,0 |
| 3 | <p>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</p> | 5,0 |
| 3.1 | Dưới 03 năm | 3,0 |
| 3.2 | Từ 03 năm đến dưới 05 năm | 4,0 |
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên | 5,0 |
| 4 | <p>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</p> | 3,0 |
| 4.1 | 01 đấu giá viên | 1,0 |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên | 2,0 |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên | 3,0 |
| 5 | <p>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo</p> | 4,0 |



| | | |
|-----|--|-----|
| | Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3 | |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 2,0 |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 3,0 |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên | 4,0 |
| 6 | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4 | 5,0 |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng | 2,0 |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng | 3,0 |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng | 4,0 |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên | 5,0 |
| 7 | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2 | 3,0 |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào) | 2,0 |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên | 3,0 |
| 8 | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn | 1,0 |
| IV | Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3 | 5,0 |
| I | Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính | 3,0 |

| | | |
|---------------------|--|------------|
| 2 | <i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i> | 4,0 |
| 3 | <i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i> | 5,0 |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định | 5,0 |
| | Có trụ sở làm việc trên địa bàn tỉnh Hải Dương | 2,0 |
| | Hồ sơ năng lực rõ ràng, cụ thể | 3,0 |
| Tổng số điểm | | 100 |



